

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HS-PT
Ngày: 06 – 01 – 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hoàng Lâm

Ông Nguyễn Đình Tiến

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Tuấn Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà H Kim Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 87/2020/TLPT-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo Lưu Ngọc N, Nguyễn Văn N1, Lưu Ngọc T do có kháng cáo của các bị hại Bùi Thanh V, Lê Thị H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2020/HS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Các bị cáo:

1. LƯU NGỌC N, sinh năm 1974 tại Hậu Giang; nơi cư trú: ấp T, thị trấn B, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn Th và bà Trần Thị B; có vợ là Thạch Thị L và 02 người con (Lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN VĂN N1, sinh năm 1997 tại Hậu Giang; nơi cư trú: ấp T, thị trấn B, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Kiều Th; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. LƯU NGỌC T, sinh năm 1985 tại Hậu Giang; nơi cư trú: ấp T, thị trấn B, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang; tạm trú: Tổ 30, khu phố 2, phường T, quận A, thành phố H; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn Th và bà Trần Thị B; có vợ là Nguyễn Thị Thùy L và 02 người con (Lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa:

1/ Ông Ngô Nhật Linh, Trợ giúp viên pháp lý hạng III của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hậu Giang bào chữa cho bị cáo Lưu Ngọc N. (Có mặt)

2/ Bà Đồng Thị Cẩm Nhung, Trợ giúp viên pháp lý hạng III của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hậu Giang bào chữa cho bị cáo Lưu Ngọc T. (Có mặt)

Bị hại có kháng cáo:

1. Bùi Thanh V, sinh năm 1975 (Có mặt)

2. Lê Thị H, sinh năm 1975 (Có mặt)

Cùng trú tại: ấp Bình Hòa, xã Phương Phú, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Người làm chứng được Tòa án triệu tập:

1/ Lê Văn N, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Trú tại: ấp Tân Phú B2, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

2/ Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Trú tại: ấp H, thị trấn B, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

3/ Trần Kim P, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Trú tại: ấp H, thị trấn B, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngoài ra trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghi ngờ vợ mình là Thạch Thị L có quan hệ bất chính với ông Bùi Thanh V, nên Lưu Ngọc N phát sinh mâu thuẫn với ông V. Khoảng tháng 9/2019 N cùng với chị L uống cà phê tại quán của ông Đặng Văn Đ thì gặp ông V đang ăn phở gần đó, nên giữa N và ông V xảy ra cự cãi với nhau được mọi người can ngăn. Sau đó, N cùng với Nguyễn Văn N1 đi làm thuê ở Thành phố H và ở chung nhà trọ với vợ chồng em ruột N là Lưu Ngọc T. Trong thời gian ở chung N thường xuyên kể cho N1 và T nghe về việc N bị ông V chửi tại quán cà phê của ông Đ, đồng thời N kêu N1 đánh dần mặt ông V, N1 đồng ý và nói với N: *Để im im chuyện đi tôi chơi ổng cho*. Đến khoảng giữa tháng 11/2019, N và N1 nghỉ làm ở thành phố H về nhà, N tiếp tục nhắc lại chuyện bị ông V chửi mình cho N1 nghe, thì N1 kêu N chỉ mặt ông V, N điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 95E1-714.57 chở N1 chạy vào nhà ông V và chỉ mặt ông V cho N1 biết. Sau khi biết mặt của ông V, N1 nói với N: *Muốn chém cũng không có gì chém*, N nói: *Tao có cây dao chặt mía*, nói xong N ra nhà sau lấy cây dao chặt mía dài 63cm mũi bằng, cán dao bằng gỗ dài 24 cm, lưỡi dao dài 39cm có 01 cạnh sắc bén đưa cho N1 xem, N1 cầm cây dao xem và nói: *Không có ai chở đi*, N nói: *Vài bữa nữa chú T mày về chơi để tao nói nó*, N1 đưa dao lại cho N cất giữ.

Đến trưa ngày 30/11/2019, N gọi điện thoại cho Lưu Ngọc T kêu T về chở N1 đi đánh dần mặt ông V. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 59G1-819.43 đi từ nhà trọ ở Khu phố 2, Phường Thanh Xuân, Quận 12, Thành phố H về nhà N, khi T đi đến huyện Bến Lức, tỉnh Long An thì điện thoại cho N biết là đang về. Khoảng 22 giờ cùng ngày, N1 đi bộ đến nhà N (để mượn điện thoại chơi game, lúc đưa điện thoại cho N1 mượn thì N nói với N1 là: *Chú T mày đang về để tao kêu chở mày đi*, nói xong N1 lấy điện thoại đi về nhà. Đến khoảng 01 giờ ngày 01/12/2019, T về đến nhà của N, N nói với T: *Vậy mai mày chở thằng N1 đi đánh ông này giùm*, T trả lời: *Sao cũng được*, sau đó T và N ngủ.

Đến khoảng 06 giờ ngày 01/12/2019, N1 đi bộ đến nhà của N trả điện thoại và đề đi chém ông V, gặp N1 đến N kêu T: *Thằng N1 lại kìa thức dậy đi*, T thức dậy và hỏi N1: *Thằng N có nói cho mày biết chưa? mày biết mặt ông đó chưa?*, N1 không trả lời mà chỉ gật đầu. T đi ra sau nhà vệ sinh cá nhân, N nói với N1: *Đeo khẩu trang không?*, N1 nói: *Chú có khẩu trang cho con 02 cái*, N lấy 02 cái khẩu trang y tế màu xanh đưa cho N1. Lúc này T đã dẫn xe 59G1-819.43 ra đậu trước sân và kêu N1: *Đi nè*, N1 đi ra xe đưa cho T 01 cái khẩu trang, N từ trong nhà đi ra đưa cho N1 01 cái áo khoác màu vàng da bò và 01 cây dao chặt mía giấu bên trong áo khoác, đưa xong N nói: *Làm nhẹ tay thôi*, N1 lấy áo khoác mặc còn cây dao thì để dựa vào lưng của T, cả hai đeo khẩu trang vào, T điều khiển xe chở N1 chạy vào nhà ông V để tìm chém ông V, đến nhà ông V do không gặp ông V, nên cả hai đậu trên cầu Ranh Án đợi khoảng 15 phút vẫn không gặp nên cả hai đi về, trên đường về T điện thoại cho N, N kêu chạy lại quán ông Đ uống cà phê, đến quán N1 để cây dao trên бага xe và cùng T vào uống cà phê với N, uống xong T chở N1 về trước, đến nhà của N thì N1 đi về.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, N1 đi bộ lại nhà N cùng với N và T ăn cơm trước hàng ba, N nói: *Thấy bữa nào nó cũng chở con hay cháu đi học ở Trường mẫu giáo Hoa Hồng*, lúc này T nói đi đồ xăng xe thì N1 nói: *Sẵn đi đồ xăng xác định chém ông chỗ nào thì giấu dao chỗ đó chứ để sáng lấy dao bỏ trong mình người ta thấy người ta để ý*, T nói: *Ừ, vậy cũng được*. Sau đó, T dẫn xe 59G1-819.43 ra đậu trước sân, N1 hỏi N: *Cây dao để ở đâu*, N nói: *Để trong nhà*, N1 ra nhà sau lấy cây dao và lên xe T chở đến đường tránh chợ B gần Trường mẫu giáo Hoa Hồng, N1 xuống xe giấu cây dao rồi lên xe T chở về.

Đến khoảng 06 giờ ngày 02/12/2019, N kêu Lưu Ngọc Đ là con ruột N đến nhà kêu N1 lại nhà N, N1 đi bộ đến nhà N thì thấy T đã đậu xe 59G1-819.43 đợi trước sân, N tiếp tục nói: *Làm nhẹ tay thôi*, T chở N1 ra chợ B mua 02 cái khẩu trang bằng vải với giá 20.000 đồng, mua xong cả hai đeo khẩu trang chạy đến đậu xe tại ngã ba bên đò gần Doanh nghiệp tư nhân Ngọc n (nhà máy sản xuất nước đá), lúc này N chạy xe 95E1-714.57 từ hướng chợ B ra chỗ T và N1, N xin T điều thuốc lá, xin thuốc xong N chạy hướng vào nhà của ông V. Đến khoảng 06 giờ 40 phút cùng ngày N gọi điện thoại cho T nói: *Hai vợ chồng nó ra đó*, T và N1 tiếp tục đợi khoảng 05 phút thì thấy ông V điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 95E1-348.14 chở vợ là bà Lê Thị H và cháu chạy ngang qua thì T chở N1 chạy theo ông V đến chỗ giấu cây dao, T dừng xe lại N1 xuống xe lấy cây dao giấu vào bên trong áo khoác rồi lên xe ngồi đợi. Khoảng 10 phút sau thì vợ chồng ông V quay lại chạy ngang qua xe của T và N1, lúc này N1 nói với T: *Kìa, ông kìa*, T chở N1 chạy theo và vượt lên bên phải xe ông V, khi hai xe chạy song song với nhau N1 lấy cây dao ra chém 01 cái từ trên xuống trúng vào cánh tay phải của ông V, ông V mất lái làm xe ngã xuống lộ, ông V và bà H liền truy hô: *Cướp, cướp*, T dừng xe lại đậu gần xe của ông V, N1 xuống xe đi lại chỗ ông V cầm dao chém ông V 01 cái từ phải qua trái trúng vào cánh tay trái làm ông V ngã xuống lộ, bà H tiếp tục truy hô: *Cướp, cướp* và nhào lại chỗ N1, N1 nói: *Mày nín*, bà H vẫn la nên N1 cầm dao chém hướng từ phải qua trái trúng vào bên hông sườn trái của bà H 01 cái, bà H vừa la vừa tiếp tục nhào lại N1 liền nói: *Mày trốn nợ hả*, vừa nói xong, N1 cầm dao chém từ phải qua trái trúng vào tay trái của bà H thêm 01 cái nữa. Chém ông V và bà H xong, N1 lên xe T chở rời khỏi hiện trường chạy về thị trấn C, huyện Phụng Hiệp, trên đường đi N1 ném bỏ áo khoác, cây dao và khẩu trang. Khi đến thị trấn Cây Dương N1 xuống xe đi bộ đến quán cà phê Ánh N để uống cà phê còn T chạy xe về Thành phố H. Uống cà phê xong do không có tiền trả nên N1 để lại quán 01 cái nón kết màu đen và 01 cái nón bảo hiểm, N1 mượn điện thoại của anh Lê Tuấn Khải gọi cho N kêu ra rước N1 về, N nói bị đau răng kêu N1 đi xe ôm về. Sau đó, N1 đi xe ôm về nhà N, đến nhà N, N1 mượn N số tiền 300.000 đồng rồi đi bộ về nhà mình lấy đồ bỏ trốn, trong lúc đang đón xe thì bị lực lượng Công an huyện Phụng Hiệp bắt giữ, đối với Lưu Ngọc N bị bắt giữ khi đang trên đường rời khỏi nhà. Đến ngày 04/12/2019, Cơ quan điều tra bắt giữ T khi đang lẩn trốn tại nhà trọ ở Thành phố H.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn N1 và Lưu Ngọc T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đối với Lưu Ngọc N, quá trình điều tra N thừa nhận có mâu thuẫn với ông Bùi Thanh V, việc mâu thuẫn này N có nói lại cho Nguyễn Văn N1 và Lưu Ngọc T biết. N thừa nhận có chở N1 đi chỉ mặt và nhà của ông V cho N1 biết. Đến tối ngày 30/11/2019, sau khi T từ thành phố H về nhà của N thì N có kêu T sáng ngày 01/12/2019 chở N1 đi chém ông V. Vào sáng ngày 01/12/2019 N đưa cho 01 N1 cây dao chặt mía, 01 cái áo khoác vải màu da bò (cây dao để trong áo khoác người ngoài nhìn vào không thấy) và 02 cái khẩu trang và nói với N1 và T: *Làm nhẹ tay thôi*, đến tối ngày 01/12/2019, sau khi T chở N1 đi chém ông V nhưng không được, N có nói cho N1 và T nghe việc ông V sáng nào cũng chở cháu đi học ở Trường mẫu giáo H, sau đó T chở N1 đi giấu con dao đến sáng ngày 02/12/2019 N1 dùng con dao này gây thương tích cho ông V, bà Lê Thị H. Lưu Ngọc N không thừa nhận việc kêu N1 chém gây thương tích cho ông V, bà H, N cho rằng việc N1 chém ông V, bà H là do N1 bệnh vực N, N cũng không thừa nhận ngày 30/11/2019 điện thoại kêu T từ thành phố H về chở N1 đi chém ông V và không thừa nhận việc tổ chức, phân công cho Nguyễn Văn N1 và Lưu Ngọc T chém gây thương tích cho ông V, bà H. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả điều tra, lời khai của Nguyễn Văn N1, Lưu Ngọc T, lời khai của Lưu Ngọc Đức, lời khai của người làm chứng Lê Văn N, các biên bản nhận dạng vật chứng của vụ án, biên bản thực nghiệm điều tra có đủ cơ sở xác định Lưu Ngọc N là người cung cấp cây dao chặt mía, áo khoác và khẩu trang y tế cho N1 và T, đồng thời N là người tổ chức, phân công cho N1 và T chém gây thương tích cho ông V và bà H. Việc N khai nhận như trên là chưa thành khẩn, nhằm mục đích quanh co, trốn tránh sự trừng trị của pháp luật.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 03/19/TgT ngày 17/12/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Hậu Giang kết luận tỷ lệ thương tích tổn hại đến sức khỏe của Bùi Thanh V như sau:

Thương tích:

- Vết mổ mở rộng vết thương hình chữ (+), mặt trước, ngoài, sau 1/3 giữa cẳng tay phải, kích thước: 14,5 x 07cm chưa lành, còn chỉ khâu. (Vết gây đứt thần kinh gian cốt, gân cơ duỗi và gãy xương quay phải, phẫu thuật xuyên đinh khâu cơ và thần kinh).

- Vết mổ mở rộng vết thương mặt sau khuỷu tay trái hình chữ (+), kích thước: 13 x 09cm chưa lành, còn chỉ khâu. (Vết gây gãy mõm khuỷu, mõm vết, đứt thần kinh trụ, gân cơ duỗi. Phẫu thuật kết hợp xương mõm khuỷu và nối gân cơ thần kinh trụ, hạn chế gấp duỗi khuỷu tay trái).

Kết luận:

1. Dấu hiệu chính tại thời điểm giám định: Đa vết thương, vết mổ; gãy đa xương; đứt đa dây thần kinh.

2. Kết luận:

2.1. Tỷ lệ thương tích từng vết thương

- Vết mổ mở rộng vết thương hình chữ (+), mặt trước, ngoài, sau 1/3 giữa cẳng tay phải hiện tại. Theo TT số 22/2019/TT-BYT là: 22%.

- Vết mổ mở rộng vết thương mặt sau khuỷu tay trái hiện tại. Theo TT số 22/2019/TT-BYT là: 27%.

2.2. Tổng tỷ lệ thương tích tổn hại đến sức khỏe hiện tại là: 44%.

2.3. Vật gây thương tích: Do vật sắc bén gây nên.

2.4. Vết thương có ảnh hưởng thẩm mỹ hay không. Theo TT số 22/2019/TT-BYT thì không có mục để xác định.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 02/19/TgT ngày 17/12/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Hậu Giang kết luận tỷ lệ thương tích tổn hại đến sức khỏe của Lê Thị H như sau:

Thương tích:

- Vết thương mặt ngoài 1/3 giữa cánh tay trái, kích thước: 4,8 x 0,3cm chưa lành, còn chỉ khâu.

- Vết thương và vết mổ dọc cắt ngang vết thương mặt sau 1/3 giữa cẳng tay trái, kích thước: 11,5 x 05cm. (Vết gây đứt gân cơ duỗi các ngón, cơ duỗi cổ tay trụ, gây một phần xương quay).

- Vết thương hông trái, kích thước: 12 x 0,3cm chưa lành, bờ mép sắc gọn.

Cận lâm sàng: Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng: Đứt khoảng $\frac{1}{2}$ thân xương 02 xương cẳng tay trái.

Kết luận:

1. Dấu hiệu chính tại thời điểm giám định: Đa vết thương phạm mềm; Vết thương 1/3 giữa cẳng tay trái (Đứt $\frac{1}{2}$ thân xương 02 xương cẳng tay trái).

2. Kết luận:

2.1. Tỷ lệ thương tích từng vết thương

- Vết thương mặt ngoài 1/3 giữa cánh tay trái hiện tại. Theo TT số 22/2019/TT-BYT là: 02%.

- Vết thương và vết mổ dọc cắt ngang vết thương mặt sau 1/3 giữa cẳng tay trái hiện tại. Theo TT số 22/2019/TT-BYT là: 09%.

- Vết thương hông trái hiện tại. Theo TT số 22/2019/TT-BYT là: 02%.

2.2. Tổng tỷ lệ thương tích tổn hại đến sức khỏe hiện tại là: 12%.

2.3. Vật gây thương tích: Do vật sắc bén gây nên.

2.4. Vết thương có ảnh hưởng thẩm mỹ hay không. Theo TT số 22/2019/TT-BYT thì không có mục để xác định.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 52/2020/HS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Lưu Ngọc N, Lưu Ngọc T, và Nguyễn Văn N1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 17, Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lưu Ngọc N 06 (Sáu) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N1 06 (Sáu) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2019.

Xử phạt bị cáo Lưu Ngọc T 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/12/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/10/2020, các bị hại Bùi Thanh V, Lê Thị H kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Ông V, bà H cho rằng mục đích của các bị cáo là muốn tước đi sinh mạng của các bị hại do chém vào vùng trọng yếu, chém từ trên đỉnh đầu chém xuống, do các bị hại dùng tay ngăn cản nên đã không chết, ngoài ra các bị cáo còn cướp tài sản của bị hại V 01 sợi dây chuyền 05 cây vàng 24K. Ngoài ra, ông V, bà H còn cho rằng có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm vì ngoài các bị cáo, còn có liên quan đến vợ của bị cáo N là Thạch Thị L và người đàn ông cầm roi điện. Ông không nhận được Cáo trạng của Viện kiểm sát nên không biết kết quả về vụ án. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm quy kết ông V có quan hệ bất chính với Thạch Thị L là không đúng sự thật. Chủ tọa phiên tòa không cho ông trình bày ý kiến, đuổi ông V ra khỏi phòng xử án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ông V trình bày: Các thương tích ở tay ông để lại là do ông đỡ do bị chém từ trên chém xuống, người chém nhất đầu tiên là bị cáo N1, còn người chém nhất thứ hai là bị cáo T. Bị cáo N là người giật sợi dây chuyền của ông. Việc Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm quy kết ông có quan hệ bất chính với bà L, ông đã khiếu nại, tố cáo đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp và được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang kết luận nội dung khiếu nại, tố cáo ông là đúng sự thật. Người làm chứng N trình bày không đúng sự thật về sự việc chém cũng như ông không có nói chuyện với ông N.

- Bị hại H trình bày: Ông N không có nói chuyện với vợ chồng bà, các lời khai của ông N đều không đúng sự thật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà phát biểu quan điểm: Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị hại kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để cho Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo N trình bày: Thống nhất với quan điểm đại diện Viện kiểm sát, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo T trình bày: Thống nhất với quan điểm đại diện Viện kiểm sát, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo N, N1, T trình bày: Các bị cáo đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, mức hình phạt là phù hợp với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị hại Bùi Thanh V, Lê Thị H có đơn kháng cáo, xét đơn kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Qua kết quả tranh tụng, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Do có mâu thuẫn với Bùi Thanh V nên bị cáo N nói lại cho N1 và T biết, chở N1 chỉ mặt ông V, kêu T chở N1 chém ông V, chuẩn bị hung khí là 01 cây dao chặt mía đưa cho N1, cùng 01 áo khoác da bò, 02 khẩu trang y tế đưa cho N1 và T, đồng thời N nói với N1 và T “làm nhẹ tay thôi”. Theo đó, vào sáng ngày 02/12/2019, N phát hiện hai vợ chồng ông V chở cháu đưa đi học nên điện thoại cho T. Sau đó thấy ông V chạy ngang, T chở N1 chạy đến chỗ giấu cây dao, N1 lấy dao giấu vào bên trong áo khoác ngồi đợi. Một lúc sau, ông V chạy ngang, T liền chở N1 chạy theo và vượt lên bên trái xe ông V, khi hai xe chạy song song thì N1 lấy cây dao ra chém một nhát từ trên xuống trúng vào cánh tay phải của ông V, làm ông V té ngã xuống lộ, N1 xuống xe tiếp tục cầm dao chém ông V một nhát từ phải qua trái trúng vào cánh tay trái làm ông V ngã xuống lộ. Thấy bà H truy hô, nên N1 cầm dao hướng từ phải qua trái trúng vào bên hông sườn trái của bà H, bà H tiếp tục nhào tới nên N1 tiếp tục cầm dao chém từ phải qua trái trúng vào tay trái của bà H thêm một nhát. Theo kết quả giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại Bùi Thanh V là 44%, bị hại Lê Thị H là 12%. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có sự phân công nhiệm vụ, chuẩn bị hung khí, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức và sử dụng dao chặt mía là hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho các bị hại. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lưu Ngọc N, Nguyễn Văn N1, Lưu Ngọc T về tội Cố ý gây thương tích theo điểm c

khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

[3] Mục đích ban đầu của các bị cáo là chém bị hại V, tuy nhiên quá trình thực hiện, ngoài gây thương tích cho ông V với tỷ lệ thương tích 44% thuộc trường hợp định khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự, bị cáo N1 còn gây thương tích cho bà H với tỷ lệ thương tích là 12%. Căn cứ thương tích của từng bị hại thì đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Việc bị cáo N1 gây thương tích cho bị hại H, bị cáo T không có hành động ngăn cản mà sau khi gây thương tích xong thì T điều khiển xe mô tô chở N1 tẩu thoát. Hành vi của bị cáo N1, T là hành vi vượt quá của người thực hành, ngoài thỏa thuận ban đầu với bị cáo N. Do đó, để đảm bảo nguyên tắc mọi hành vi phạm tội đều phải được xử lý, đảm bảo sự bình đẳng trong xử lý đối với người phạm tội thì cần áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N1 và bị cáo T, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng này là thiếu sót. Tuy nhiên, căn cứ vào nhân thân, tình chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho từng bị cáo, xét thấy mức hình phạt đối với bị cáo N và bị cáo N1 là 06 năm 03 tháng tù, bị cáo T 05 năm tù là phù hợp và tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo nên cần giữ nguyên mức hình phạt trên. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[4] Xét kháng cáo của bị hại cho rằng mục đích của các bị cáo là muốn tước đi sinh mạng của các bị hại do chém vào vùng trọng yếu, chém từ trên đỉnh đầu chém xuống, do các bị hại dùng tay ngăn cản nên đã không chết, ngoài ra các bị cáo còn cướp tài sản của bị hại V 01 sợi dây chuyền 05 cây vàng 24K.

[4.1] Xét thấy, động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo, do bị cáo N nghi ngờ bị hại V có quan hệ bất chính với vợ mình, từ đó có mâu thuẫn với ông V nên bị cáo N kể cho các bị cáo N1, T nghe và cùng bàn bạc để đánh dần mặt ông V, cụ thể là trước khi đánh ông V thì bị cáo N có nói với N1, T là “Làm nhẹ tay thôi”, còn đối với các bị cáo N1, T thì không có mâu thuẫn hay quen biết gì với các bị hại, mà chỉ muốn giúp bị cáo N chém dần mặt bị hại V, từ đó cho thấy các bị cáo N1, T cũng không có lý do gì cần phải tước đi sinh mạng của các bị hại. Mặt khác, sau khi bị cáo N1 chém ông V nhát thứ hai, thì ông V té ngã xuống lộ, nếu bị cáo N1 muốn tước đi tính mạng của ông V thì bị cáo N1 hoàn toàn có cơ hội để tiếp tục chém ông V do lúc đó ông V đã bị té ngã, hai tay đã bị thương tích, khả năng phản kháng hạn chế. Đối với bị hại H, mục đích ban đầu các bị cáo chỉ gây thương tích cho ông V, nhưng khi bà H truy hô lên thì N1 nói “Mầy nín” nhưng bà H vẫn la nên N1 cầm dao chém vào hông và tay của bà H. Nếu bị cáo N1 muốn tước đi sinh mạng của bà H thì hoàn toàn có thể tấn công liên tục và chém vào nhiều vùng trọng yếu chứ không chém vào hông, tay. Hơn nữa, điều kiện, hoàn cảnh khi thực hiện hành vi không ai ngăn cản, các bị hại đã bị thương tích nên nếu bị cáo N1 muốn giết các bị hại là hoàn toàn có thể thực hiện được, nhưng sau khi gây thương

tích xong thì các bị cáo bỏ đi. Từ những phân tích trên cho thấy, quá trình thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ có mục đích là đánh dần mặt (gây thương tích) các bị hại mà không có mục đích giết các bị hại, thể hiện qua việc phạm tội không quyết liệt, không truy sát tới cùng cũng như thương tích của các bị hại không phải là vào những vùng trọng yếu trên cơ thể có khả năng dẫn đến chết người (chỉ chém vào hông sườn trái, tay trái, tay phải). Do đó, các bị hại cho rằng các bị cáo có ý định tước đi sinh mạng các bị hại là không có cơ sở.

[4.2] Đối với bị hại V cho rằng các bị cáo đã cướp 01 sợi dây chuyền 5 cây vàng 24K, người giết dây chuyền là bị cáo N. Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều không thừa nhận hành vi cướp tài sản của bị hại, thời điểm gây thương tích không có bị cáo N tại hiện trường. Lời khai của người làm chứng Lê Văn N có mặt trong suốt quá trình diễn ra sự việc, không nhìn thấy các bị cáo giết dây chuyền của bị hại, đồng thời khi các bị cáo rời khỏi hiện trường thì vẫn thấy bị hại V còn đeo sợi dây chuyền trên cổ và thời điểm đó chỉ có hai người đi trên xe mô tô nhãn hiệu Sirius, người ngồi sau chém các bị hại, người điều khiển không tham gia chém mà chỉ ngồi trên xe, ngoài ra không còn người nào khác. Lời khai người làm chứng Nguyễn Ngọc H chỉ thấy hai người thanh niên chém hai vợ chồng bằng cây dao (giống dao sắt chuối), người ngồi sau chém, còn người ngồi trên xe. Đối với lời khai của người làm chứng Trần Kim P là người chở bị hại V đến trạm y tế xác định không biết bị hại có bị giết dây chuyền hay không, trước đó ở Trường mẫu giáo Hoa Hồng thì có thấy bị hại đeo dây chuyền, nhưng lúc xảy ra sự việc không biết còn đeo dây chuyền hay không, quá trình diễn ra sự việc thì chị P cũng không trực tiếp chứng kiến cho nên cũng không có cơ sở cho rằng các bị cáo giết dây chuyền của bị hại. Mặt khác, theo lời khai của bà Nguyễn Thị Hồng Út là chủ tiệm vàng Kim Quang, là người có kinh nghiệm trong hoạt động mua bán vàng và chính bà đã bán sợi dây chuyền vàng 05 lượng loại 23K cho bị hại V xác định *“Sợi dây chuyền có kiểu dáng khoen, lật lục giác, có móc lai kiểu “M”, dài 50cm, bề ngang 15cm, do sợi dây chuyền có trọng lượng lớn, kích thước to nên khó có thể bị giết đứt, nếu đứt thì phải giết nhiều lần với lực mạnh, còn giết một lần chỉ hở móc chứ không đứt”* (Bút lục 611-612), theo biên bản xem xét dấu vết trên thân thể (Bút lục 26) của bị hại V thì trên cổ không có vết thương tích hay xây xát gì, cơ quan điều tra cũng không chứng minh được các bị cáo giết dây chuyền của bị hại. Bị hại V cho rằng có căn cứ chứng minh bị cáo N giết dây chuyền của bị hại nhưng không cung cấp được cho Tòa án nên kháng cáo của các bị hại không có cơ sở xem xét.

[5] Đối với kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm là vợ bị cáo N và có người nhặt cây roi điện đe dọa các bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra các bị cáo N1, T khai nhận việc thực hiện hành vi phạm tội chỉ có hai bị cáo, trong đó T là người điều khiển xe và suốt quá trình diễn ra sự việc bị cáo N1 gây thương tích cho các bị hại V, H thì T vẫn ngồi ở trên xe. Ngoài ra không còn ai cùng thực hiện hành vi phạm tội. Theo biên bản khám nghiệm hiện trường,

biên bản thu giữ, tài liệu đồ vật trong vụ án thì không có vật chứng nào là cây roi điện, cũng như lời khai của người làm chứng Lê Văn N chứng kiến quá trình các bị cáo gây thương tích cho các bị hại là bằng con dao chặt mía, khi thực hiện thì một người ngồi sẵn trên xe và người kia rượt đuổi chém bị hại, ngoài ra không còn hung khí nào khác hay thấy ai khác tham gia đánh các bị hại. Tương tự, lời khai người làm chứng Nguyễn Ngọc H chỉ thấy có hai người thanh niên, một người ngồi trên xe, một người chém các bị hại. Lời trình bày của người làm chứng trên phù hợp với lời khai của các bị cáo N1, T trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập. Các bị hại cho rằng sự việc trên có liên quan đến vợ bị cáo N là Thạch Thị L, xét thấy quá trình các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội chị L không biết, quá trình điều tra cũng không chứng minh được chị L có bàn bạc, thỏa thuận hay cùng tham gia gây thương tích cho các bị hại. Do đó, kháng cáo của các bị hại không có cơ sở xem xét.

[6] Về kháng cáo cho rằng, quá trình ban hành Cáo trạng Viện kiểm sát không tổng đạt Cáo trạng cho các bị hại là vi phạm Bộ luật tố tụng hình sự. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 240 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định:

“2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra một trong các quyết định quy định tại khoản 1 Điều này, Viện kiểm sát phải thông báo cho bị can, người bào chữa hoặc người đại diện của bị can, bị hại biết việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung; *giao cho bị can hoặc người đại diện của bị can và gửi cho Cơ quan điều tra, người bào chữa bản cáo trạng, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định tạm đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can hoặc quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can*; thông báo cho bị hại, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.” Với quy định này thì Cáo trạng chỉ gửi cho bị can, người đại diện của bị can, cơ quan điều tra và người bào chữa, còn bị hại thì Viện kiểm sát chỉ thực hiện việc thông báo về việc truy tố bị can ra trước Tòa án. Theo hồ sơ thì Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp đã không thông báo cho các bị hại đúng quy định. Tuy nhiên, việc này không phải là việc vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Do đó, kháng cáo của các bị hại không có cơ sở xem xét.

[7] Về kháng cáo cho rằng việc cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho các bị cáo là không chính xác, do các bị cáo chưa đến hỏi thăm hay hỗ trợ cho các bị hại khoản chi phí điều trị nào. Xét thấy, các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, chủ yếu đi làm thuê, trong đó bị cáo N và bị cáo T là hộ cận nghèo, trong quá trình điều tra các bị cáo tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại, cụ thể: Gia đình bị cáo N1 đã nộp 1.500.000 đồng theo biên lai số 0007372, ngày 17/2/2020, gia đình bị cáo N nộp 2.000.000 đồng theo biên lai số 0007382, ngày 13/5/2020, gia đình bị cáo T đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai số 0007373, ngày 17/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang để bồi thường cho các bị hại. Mặc dù, số tiền các bị cáo đã nộp là không tương xứng với hậu quả mà các bị

cáo đã gây ra, tuy nhiên cũng đã thể hiện được thiện chí bồi thường cho các bị hại nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ tự nguyện bồi thường thiệt hại, có mức độ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là phù hợp với quy định của pháp luật nên kháng cáo của các bị hại không có cơ sở xem xét.

[8] Bị hại V cho rằng quá trình xét xử bị hại muốn trình bày ý kiến nhưng không được Hội đồng xét xử cho phép và bị đuổi ra phòng xử án. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 256 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì:

“2. Mọi người trong phòng xử án phải tôn trọng Hội đồng xét xử, giữ gìn trật tự và tuân theo sự điều hành của chủ tọa phiên tòa.

3. Mọi người trong phòng xử án phải đứng dậy khi Hội đồng xét xử vào phòng xử án và khi tuyên án. Bị cáo phải đứng khi Kiểm sát viên công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố. Người được Tòa án triệu tập đến phiên tòa muốn trình bày ý kiến phải được chủ tọa phiên tòa đồng ý; người trình bày ý kiến phải đứng khi trình bày ý kiến, khi được hỏi”.

Quá trình diễn ra vụ án các bị hại gây mất trật tự, có thái độ không tôn trọng Hội đồng xét xử, không chấp hành sự điều hành của Chủ tọa phiên tòa. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư 02/2017/TT-TANDTC ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân tối cao thì:

“2. Người vi phạm nội quy phòng xử án thì tùy từng trường hợp có thể bị Chủ tọa phiên tòa buộc rời khỏi phòng xử án hoặc khu vực xét xử, xử phạt vi phạm hành chính, tạm giữ hành chính. Trường hợp hành vi của người vi phạm nội quy phiên tòa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì Hội đồng xét xử có quyền khởi tố vụ án hình sự.” Do đó, việc cấp sơ thẩm buộc các bị hại rời khỏi phòng xử án là đúng quy định của pháp luật cho nên kháng cáo của các bị hại không có căn cứ xem xét.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị hại nộp bảng kê chi phí điều trị và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu các bị hại cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện chi phí điều trị thương tích và các chi phí có liên quan để xem xét giải quyết trách nhiệm bồi thường thiệt hại nhưng các bị hại không cung cấp mà cho rằng thương tích còn đang điều trị tiếp tục nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tách ra để giải quyết thành vụ án khác là có căn cứ. Do về dân sự chưa được cấp sơ thẩm giải quyết nên không có cơ sở để cấp phúc thẩm giải quyết. Khi tách phần dân sự, lẽ ra số tiền gia đình các bị cáo đã nộp được xử lý trao trả lại cho gia đình các bị cáo, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xử lý là thiếu sót. Do đó, nhằm giải quyết triệt để vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xử lý là trao trả số tiền bồi thường mà gia đình các bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[10] Đối với việc bị hại V cho rằng Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm quy kết ông có quan hệ bất chính với vợ bị cáo N là không đúng sự thật. Vấn đề này, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang đã tiếp nhận và xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[11] Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của các bị hại là không có cơ sở nên không chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, trợ giúp viên về việc không chấp nhận kháng cáo của các bị hại là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[12] Về án phí hình sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Bùi Thanh V, Lê Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Các bị cáo Lưu Ngọc N, Lưu Ngọc T, và Nguyễn Văn N1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lưu Ngọc N 06 (Sáu) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2019.

2. Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N1 06 (Sáu) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2019.

3. Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lưu Ngọc T 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/12/2019.

4. Về xử lý vật chứng:

Bà Nguyễn Thị Kiều Thúy (mẹ bị cáo N1) được nhận lại 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007372, ngày 17/2/2020; bà Thạch Thị L (vợ bị cáo N) được nhận lại 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai số 0007382, ngày 13/5/2020; Bà Nguyễn Thị Thùy Linh (vợ bị cáo T)

được nhận lại 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai số 0007373, ngày 17/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo (1b);
- Công an xã nơi bị cáo cư trú (1b);
- Công an huyện Phụng Hiệp (1b);
- VKSND tỉnh Hậu Giang (3b);
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang (1b);
- PV06– Công an tỉnh Hậu Giang (1b);
- PC10 – Công an tỉnh Hậu Giang (1b)
- VKSND huyện Phụng Hiệp (1b);
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp (1b);
- TAND huyện Phụng Hiệp (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b);
- Lưu THS (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thanh